

MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG, GIAI ĐOẠN 2000 – 2014

NGUYỄN THỊ HIỀN*

TÓM TẮT

Dân số và phát triển kinh tế của mỗi địa phương, vùng, quốc gia hay khu vực luôn có mối quan hệ chặt chẽ và tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Bài viết trình bày mối quan hệ giữa dân số với phát triển kinh tế tỉnh Bình Dương trong giai đoạn 2000 – 2014, đồng thời chỉ ra những tác động tích cực và hạn chế của mối quan hệ này; từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy tính tích cực và khắc phục những hạn chế của mối quan hệ này để phát triển bền vững kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Từ khóa: kinh tế tỉnh Bình Dương, phát triển kinh tế, dân số tỉnh Bình Dương.

ABSTRACT

The relationship between population and economic development in Binh Duong province, during the period of 2000 – 2014

Population and economic development in a province, a nation or an area always has a reciprocal relationship that influences on the sustainable development of the economy and society. This article is about the relationship of population and economic development in Binh Duong province, during the period of 2000 – 2014; and simultaneously point out the active and negative effects of this relationship; as well as suggests some solutions to promoting strengths and overcoming limitations in order to develop Binh Duong's economy – society sustainably.

Keywords: Binh Duong's economy, economic development, Binh Duong's population.

1. Đặt vấn đề

Bình Dương là một tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ, có vị trí địa lý thuận lợi cùng chiến lược và chính sách phát triển hợp lý, đặc biệt là quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa đã tạo ra nhiều thuận lợi và ưu thế trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật với các tỉnh trong vùng, cả nước và quốc tế. Đây cũng là lợi thế thu hút các nhà đầu tư, dân cư, lao động đến làm ăn, sinh sống. Song điều này cũng là tác nhân làm cho quá trình dân số và phát triển kinh tế - xã

hội của tỉnh có nhiều biến động, đặc biệt là từ năm 2000 đến nay. Các diễn biến về dân số, như: gia tăng dân số, quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số và phân bố dân cư có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, nhưng cũng là những thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống cả trong hiện tại và tương lai.

Vì vậy, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa dân số và sự phát triển kinh tế của Tỉnh là vấn đề quan trọng cần thực hiện, cần được nhìn nhận một cách toàn diện,

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: hiencom0650@yahoo.com

phân tích và đánh giá dựa trên cơ sở khoa học, góp phần vào việc thực hiện tốt chiến lược phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh trong những giai đoạn tiếp theo.

2. Mối quan hệ giữa dân số với phát triển kinh tế tỉnh Bình Dương

2.1. Những tác động của dân số đến phát triển kinh tế

2.1.1. Tác động của dân số đến tăng trưởng kinh tế (xem bảng 1)

Tăng trưởng kinh tế ở đây được xét đến là tỉ lệ gia tăng tổng sản phẩm quốc dân bình quân đầu người hàng năm. Gia tăng dân số và tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ qua lại.

Bảng 1. Gia tăng GDP và gia tăng dân số của tỉnh Bình Dương giai đoạn 2000 – 2014

	2000	2003	2007	2011	2014
Tổng GDP (tỉ đồng) (giá SS 1994)	4.156	6.359	11.225	18.645	26.735
Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	14,4	15,43	14,88	12,40	13,01
Dân số (người)	779.420	973.093	1.307.000	1.691.413	1.873.558
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	8,0	6,9	8,6	4,3	3,9
GDP/người (triệu đồng/ng/năm)	5,332	6,534	8,588	11,023	14,269

Nguồn: Tính toán từ [3]

Bảng 1 cho thấy tỉ lệ gia tăng dân số và tốc độ tăng trưởng GDP của Bình Dương cũng không nằm ngoài quy luật trên.

Nếu xét riêng về cơ cấu dân số theo tuổi thì Tỉnh đang bước vào giai đoạn cơ cấu “dân số vàng”, tỉ lệ người phụ thuộc ngày càng giảm nên tốc độ tăng GDP ngày càng cao. Cụ thể trong giai đoạn 2000 – 2014, tốc độ tăng GDP bình quân là 14,22%, trong khi tốc độ tăng dân số là 6,46% nên tốc độ tăng GDP/người đạt 7,28%.

2.1.2. Tác động của dân số với tiêu dùng và tích lũy (xem bảng 2)

Như vậy, để GDP bình quân đầu người tăng thì tỉ lệ tăng GDP phải nhanh hơn tỉ lệ gia tăng dân số và việc hạ thấp tỉ lệ gia tăng dân số (nếu không làm cho GDP giảm sút) thì cũng sẽ làm tăng GDP bình quân đầu người.

Khi mức sinh giảm, quy mô dân số ổn định, đặc biệt là những quốc gia có cơ cấu “dân số vàng”, tỉ lệ người phụ thuộc giảm, tỉ lệ người trong độ tuổi lao động cao, khả năng sản xuất của cải vật chất cho xã hội lớn, khả năng tích lũy cao, tái đầu tư lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế. [2]

Quy mô, cơ cấu dân số tác động gián tiếp đến sự phát triển kinh tế thông qua tiêu dùng và tích lũy.

Quy mô dân số Bình Dương ngày càng tăng, điều đó có tác động lớn đến tiêu dùng. Dân cư tăng tạo thị trường tiêu thụ lớn, nhu cầu tiêu dùng tăng theo thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh chóng. Số liệu thống kê cho thấy tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ngày càng tăng. Năm 2014, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của Tỉnh là 77.231 tỉ đồng (theo giá hiện hành), gấp 15,54 lần năm 2000. [3]

Bảng 2. Thu nhập và chi tiêu bình quân của dân cư tỉnh Bình Dương giai đoạn 2000 - 2014

Đơn vị: nghìn đồng

	2000	2002	2006	2010	2014
- Thu nhập bình quân đầu người/tháng	278,9	504,3	1.215,0	2.698,0	4.590,0
- Chi tiêu bình quân đầu người/tháng	276,5	441,7	875,4	1.878,0	2.541,0
- Tỷ lệ chi tiêu so với thu nhập (%)	99,13	87,59	72,05	69,61	55,36

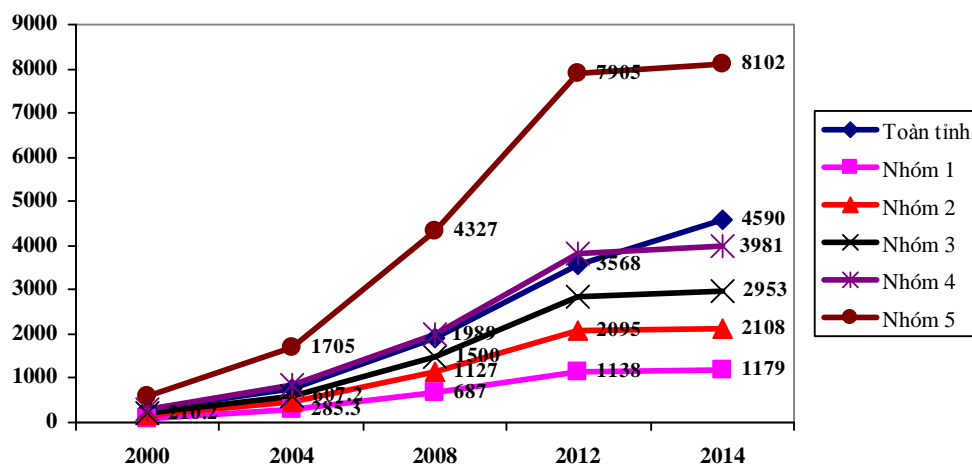
Nguồn: [3], [8].

Hiện nay, Bình Dương đang ở vào thời kỳ có cơ cấu “dân số vàng”, gánh nặng từ người phụ thuộc giảm đi khiến thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, chi tiêu cho trẻ em và người già không còn là gánh nặng. Vì vậy, phần tích lũy ngày càng tăng và có thể dành cho đầu tư sản xuất, góp phần giúp kinh tế của Tỉnh tăng trưởng nhanh và bền vững hơn.

Bảng 2 cho thấy nhu cầu tiêu dùng

của cư dân Bình Dương tăng nhanh và đã được đáp ứng nhờ thu nhập bình quân tăng, bên cạnh đó còn có tích lũy và phần tích lũy liên tục tăng. Năm 2000, chi tiêu hàng tháng chiếm 99,13% thu nhập, nhưng đến năm 2014, chi tiêu bình quân chiếm 55,36% thu nhập. Như vậy, gần 50% thu nhập là dành cho tích lũy. Tuy nhiên, còn có sự phân hóa lớn về thu nhập giữa các bộ phận dân cư trong tỉnh (xem biểu đồ).

Biểu đồ sự gia tăng thu nhập bình quân đầu người/tháng của tỉnh Bình Dương theo 5 nhóm thu nhập giai đoạn 2000 - 2014 (nghìn đồng)



Nguồn: [3]

Biểu đồ trên cho thấy, so với mức thu nhập trung bình toàn tỉnh, thì có sự chênh lệch đáng kể giữa nhóm 5 và các nhóm khác. Từ nhóm 1, 2, 3 và 4 có thu nhập thấp, độ chênh nhau không nhiều. Riêng nhóm 1 có thu nhập bình quân chỉ bằng 1/6 – 1/7 lần thu nhập của nhóm 5. Về tốc độ tăng thu nhập bình quân, nhóm 1 cũng có tốc độ tăng thấp hơn so với nhóm 5, nên dẫn đến tình trạng chênh

lệch. Thu nhập giữa 2 nhóm dân cư này sẽ ngày càng lớn hơn, làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo và tạo áp lực lớn trong đời sống của nhóm dân cư có thu nhập thấp trong tỉnh.

2.2. Những tác động của phát triển kinh tế đối với dân số

2.2.1. Tác động đến gia tăng dân số

- *Tác động đến mức sinh*: Sự thay đổi tỉ lệ sinh thể hiện rõ ở bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Tốc độ tăng trưởng GDP và tỉ suất sinh thô của tỉnh Bình Dương

Năm	2000	2003	2007	2011	2014
Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	14,40	15,43	14,88	12,40	13,01
Tỉ suất sinh thô (‰)	19,46	17,06	15,24	15,19	14,19

Nguồn: Tính toán từ [3]

Bảng 3 cho thấy cùng với tốc độ tăng trưởng GDP cao và khá ổn định là sự giảm dần của tỉ lệ sinh. Tốc độ tăng GDP bình quân giai đoạn 2000–2014 vào khoảng 14% trong khi tỉ lệ sinh giảm dần từ 19,46‰ (2000) xuống còn 14,19‰ (2014). Diễn biến này phù hợp với nhận định: “Khi kinh tế tăng trưởng nhanh tạo điều kiện cho y tế, giáo dục phát triển, người dân không cần “để dự phòng” và vị trí của người phụ nữ trong xã hội được nâng lên nên mức sinh sẽ giảm” [2]. Đây là một trong những cơ sở quan trọng để khẳng định: Kinh tế tăng trưởng nhanh và ổn định là một trong những yếu tố quan trọng giúp giảm mức sinh trên địa bàn tỉnh.

- *Tác động đến gia tăng cơ học*: Với chính sách và kế hoạch chiến lược thực hiện CNH - HĐH, trên địa bàn tỉnh, các khu công nghiệp hiện đại được xây dựng

với tốc độ nhanh đã thu hút lực lượng lao động lớn từ các địa phương khác đến sinh sống và làm việc, dẫn đến tỉ lệ gia tăng cơ học cao (cao hơn gia tăng tự nhiên), góp phần đáng kể vào sự gia tăng quy mô dân số của tỉnh. Đặc biệt, từ năm 2000, khi đầu tư xây dựng nhiều khu công nghiệp ở các huyện thị khu vực phía Nam, đồng thời với việc phát triển thành phố mới Bình Dương, thì lực lượng lao động và dân cư từ các nơi khác trên cả nước đến làm việc, cư trú tăng nhanh. Giai đoạn 2000 – 2014, tỉ lệ gia tăng dân số của Tỉnh luôn ở mức cao (trên 4%), chủ yếu là gia tăng cơ học. Vì trong giai đoạn này, tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm dần, từ 1,48% (2000) xuống còn 0,88% (2014). [3]

Gia tăng cơ học (dân nhập cư) tăng nhanh, tạo nên lợi thế là nguồn lao động dồi dào, chất lượng lao động tăng đáng kể, nhưng lại tạo áp lực lớn đối với vấn

đề giải quyết nhà ở, việc làm, các nhu cầu giáo dục, chăm sóc sức khỏe..., đặc biệt là vấn đề về đảm bảo an ninh trật tự xã hội, giao thông, môi trường...

2.2.2. Tác động đến cơ cấu dân số

- *Làm thay đổi cơ cấu theo độ tuổi:* Tỷ lệ trẻ em từ 0 – 14 tuổi và tỷ lệ người trên tuổi lao động (60+) có xu hướng giảm. Năm 2000, tỷ lệ trẻ em từ 0 – 14 tuổi là 28,23%, đến năm 2014 chỉ còn chiếm 17,79% dân số. Tỷ lệ người trên tuổi lao động năm 2000 là 8,25% và năm 2014 là 6,94% [3]. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động (15 – 59 tuổi) có xu hướng tăng lên, năm 2000, số người trong độ tuổi lao động chiếm 63,64% dân số toàn tỉnh, năm 2014 là 75,27%.

Sự gia tăng nhanh chóng số người trong tuổi lao động đưa Bình Dương bước vào giai đoạn “cơ cấu dân số vàng” nhanh hơn cả nước. Đây là lợi thế cần tận dụng vì nguồn nhân lực đang ở giai đoạn dồi dào nhất, có khả năng tạo ra khối lượng của cải vật chất lớn nhất, đồng thời tạo giá trị tích lũy lớn cho tương lai

- *Thay đổi cơ cấu theo giới tính:* Cơ cấu theo giới tính có sự khác biệt, tỷ lệ nữ luôn cao hơn nam giới và có xu hướng tăng chậm trong suốt giai đoạn từ năm 2000 đến nay.

Về cơ cấu giới tính phân theo địa phương, nhìn chung, tất cả các thành phố, huyện, thị đều có tỷ lệ nữ cao hơn nam, dao động trong khoảng từ 93–96 nam/100 nữ. So với năm 2000, tỷ số giới tính (nam/100 nữ) năm 2014 giảm ở các thị xã phát triển công nghiệp như Thuận

An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên, đây cũng là những địa phương có tỷ số giới tính khá thấp trong các năm 2007, 2014 (khoảng 85–87 nam/100 nữ).

Cơ cấu giới tính mất cân đối chủ yếu rơi vào độ tuổi lao động, dẫn đến những khó khăn, hệ lụy. Nhất là trong việc kết hôn của lao động nữ, xuất hiện tình trạng những gia đình “không hợp pháp”, hạnh phúc gia đình và bạo hành gia đình đối với lao động nữ lớn hơn so với bình thường.

- *Chuyển dịch cơ cấu nguồn lao động:* Do tác động của chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh Bình Dương, hàng năm có một lực lượng lớn lao động từ các vùng nông thôn của tỉnh và các tỉnh khác vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh làm việc. Năm 2014, trong tổng số 1.219.874 lao động đang làm việc có đến 546.693 lao động nhập cư, chiếm 44,8% [3]. Về trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động nhập cư nói riêng và lao động của tỉnh nói chung, phần lớn là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo. Năm 2014, lao động đã qua đào tạo của tỉnh chỉ chiếm 18,1% [7]. Số người trong độ tuổi lao động năm 2000 là 556.250 người - chiếm 63,64% dân số, năm 2014: 1.438.419 người, chiếm 75,27% dân số toàn tỉnh. Tốc độ tăng trưởng số người trong độ tuổi lao động trung bình hàng năm (giai đoạn 2000–2014) là 14,42% (tính toán từ [3]).

- *Chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành kinh tế:* Thể hiện ở bảng 4 dưới đây:

Bảng 4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo ngành của tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2000 – 2014

Đơn vị: %

Năm	Cơ cấu kinh tế			Cơ cấu lao động		
	Nông lâm ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ	Nông lâm ngư nghiệp	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
2000	16,7	58,1	25,2	44,72	37,74	17,54
2003	12,0	62,0	26,0	28,53	53,64	17,83
2007	6,37	64,38	29,25	19,39	61,77	18,84
2011	4,14	62,17	33,69	11,51	67,97	20,52
2014	3,02	60,08	36,19	9,32	65,87	24,81

Nguồn: Tính toán từ [3]

Bảng 5 cho thấy trong giai đoạn 2000 - 2014, cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, giảm tỉ trọng ngành nông – lâm – ngư nghiệp. Vì vậy, cơ cấu lao động của Tỉnh cũng chuyển dịch tương ứng, đó là tỉ trọng lao động nông – lâm – ngư nghiệp giảm nhanh trong khi tỉ trọng lao động công nghiệp – xây dựng và dịch vụ tăng nhanh.

2.2.3. Tác động đến mật độ dân số (MĐDS) và phân bố dân cư

Trong giai đoạn 2000–2014, MĐDS của Tỉnh không ngừng tăng do quy mô dân số tăng nhanh. Năm 2000, MĐDS là 252 người/km², nhưng đến năm 2014 đã lên đến 695 người/km² (gấp 2,75 lần so với năm 2000).

MĐDS theo địa phương có sự khác nhau phản ánh sự phân bố dân cư không đồng đều trên địa bàn Tỉnh. Các thành phố, thị xã phía Nam có MĐDS cao hơn hẳn so với các huyện phía Bắc. Thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Thuận An và Dĩ An có MĐDS trên 2000 người/km², trong khi các địa phương còn lại có MĐDS

dưới 300 người/km². Các thành phố, thị xã phía Nam đồng thời cũng là những địa phương phát triển nhanh, mạnh về kinh tế, đặc biệt là ngành công nghiệp. Riêng các huyện Bến Cát, Tân Uyên, do công nghiệp phát triển mạnh trong thời gian gần đây nên MĐDS đang tăng lên. Như vậy, sự phân bố sản xuất, nhất là phân bố của ngành công nghiệp là nguyên nhân chính dẫn đến sự phân bố dân cư không đồng đều ở Tỉnh.

Tóm lại, qua phân tích mối quan hệ giữa dân số và sự phát triển kinh tế tỉnh Bình Dương có thể thấy dân số và phát triển kinh tế có mối quan hệ mật thiết, ảnh hưởng qua lại, trong đó có những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực, như đã trình bày.

3. Các giải pháp phát triển dân số và kinh tế tỉnh Bình Dương trong thời gian tới

Để phát huy những tác động tích cực và hạn chế những tiêu cực từ mối quan hệ giữa dân số và phát triển kinh tế, theo chúng tôi, tỉnh Bình Dương cần tập trung vào một số giải pháp sau đây:

- Chú trọng đầu tư phát triển kinh tế

ở các địa phương còn khó khăn, vận động các cơ quan sử dụng lao động đưa ra các chương trình hỗ trợ đời sống cho công nhân ở các khu công nghiệp (về việc làm, chỗ ở, phương tiện làm việc...); đặc biệt quan tâm đến chính sách, chế độ tiền lương của các doanh nghiệp đối với người lao động, nhất là lao động phổ thông về nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống.

- Kéo dài thời kỳ cơ cấu “dân số vàng” bằng cách duy trì mức sinh, điều chỉnh lao động nhập cư hợp lý trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa trước khi bước vào thời kỳ già hóa dân số.

- Cần có chính sách quan tâm đến cuộc sống của bộ phận dân số 60+, từng bước chuẩn bị các vấn đề về an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, đời sống tinh thần cho người già – vốn là bộ phận dân số có nhiều đóng góp cho phát triển kinh tế và cũng là bộ phận dân số dễ bị tổn thương nhất khi trở thành người phụ thuộc.

- Tăng cường tổ chức các hội chợ việc làm cho người lao động; đầu tư phát triển hệ thống nhà ở xã hội, cơ sở y tế, giáo dục. Có chính sách khuyến khích các hệ thống y tế, giáo dục của tư nhân phát triển. Thực hiện tốt công tác quản lý an ninh, trật tự tại các khu công nghiệp và vùng ranh giới giữa các địa phương.

- Thực hiện chính sách và kế hoạch tổng thể trong tuyển dụng là: Chỉ tuyển dụng lao động chất lượng cao, hạn chế tối đa tiếp nhận lao động trình độ thấp; từng bước tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lao động địa phương nhằm giảm áp lực về việc làm, nhập cư, cư trú

và an ninh.

- Phát triển mạnh các ngành công nghiệp hiện đại có sử dụng nhiều lao động nam; quan tâm nâng cao thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế, nhất là công nghiệp và cơ sở hạ tầng ở các địa phương phía Bắc của Tỉnh để “giãn dân”, giảm áp lực dân số cho các địa phương ở phía Nam.

4. Kết luận

Qua phân tích mối quan hệ giữa dân số và phát triển kinh tế tỉnh Bình Dương, có thể thấy giữa dân số và phát triển kinh tế có mối quan hệ chặt chẽ và ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Kết quả từ mối quan hệ này đã thực sự là nền tảng và tạo động lực cho quá trình phát triển bền vững kinh tế - xã hội trên con đường thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập của Tỉnh. Tuy nhiên, thực tế cũng đã cho thấy rõ hơn những hạn chế từ mối quan hệ này, đòi hỏi phải có chính sách đầu tư, khắc phục, như: giải quyết việc làm, địa điểm cư trú; nâng cao chất lượng cuộc sống (y tế, trường học, dịch vụ...), môi trường, an ninh cho người lao động nhập cư và lao động thủ công của Tỉnh...

Vì vậy, việc xác định những giải pháp để phát huy mặt tích cực và khắc phục những hạn chế là rất cần thiết với tỉnh Bình Dương. Những giải pháp được đề xuất hi vọng sẽ góp phần giải quyết mối quan hệ giữa dân số và phát triển kinh tế trên địa bàn Tỉnh theo hướng tích cực hơn, đảm bảo nền tảng vững chắc cho việc phát triển bền vững kinh tế - xã hội Tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quốc Anh (chủ biên) (2004), *Dân số và phát triển ở Việt Nam*, Nxb Thế giới.
2. Bộ Y tế, Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình (2011), *Dân số là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển bền vững của đất nước*,
3. Cục Thống kê tỉnh Bình Dương, *Niên giám thống kê tỉnh Bình Dương từ năm 2000 đến năm 2014*.
4. Nguyễn Đình Cử (2007), *Những xu hướng biến đổi dân số ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp.
5. Tổng Văn Đường (1997), *Giáo trình dân số và phát triển*, Dự án VIE/97/P.3, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
6. Tổng cục Thống kê (2008), *Điều tra biến động dân số năm 2007*, Nxb Thống kê.
7. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê năm 2000 – 2014*.
8. Tổng cục Thống kê (2011), *Khảo sát mức sống dân năm 2010*, Nxb Thống kê.
9. Nguyễn Thiện Trường (chủ biên) (2004), *Dân số và phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 12-3-2014; ngày phản biện đánh giá: 25-01-2016;
ngày chấp nhận đăng: 24-02-2016)